

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 331/2025/DS-PT

Ngày: 27/5/2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp
hụi”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông Trần Văn Đạt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 và ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 842/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Cẩm L**, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 24/01/2024, lập tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:

1. Bà **Lê Thị Thu H** (tên thường gọi P), sinh năm 1974 (Có mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1973 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn **Lê Thị Thu H**, **Nguyễn Văn Đ**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Cẩm L là ông Trần Văn T trình bày:

Bà Đinh Thị Cẩm L là hội viên có tham gia các dây hội do bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Đ làm đầu thảo hội, cụ thể như sau:

1. Vào ngày 29/4/2020 (âm lịch), khai 02 dây hội, mỗi dây với số tiền là 5.000.000 đồng, hội ba tháng khai 01 lần, mỗi dây hội có 17 phần. Trong 02 dây hội này bà L tham gia mỗi dây hội là 01 phần (tổng cộng là 02 phần) và đóng hội sống cho mỗi dây hội được 12 lần (hai dây với số tiền là 120.000.000 đồng). Đến tháng 5 năm 2023 thì phía bà H và ông Đ tuyên bố ngưng hội và cũng không trả lại tiền cho cho bà L. Tổng cộng số tiền của 02 dây hội mở ngày 29/4/2020 (âm lịch), bà H và ông Đ còn nợ lại bà L là 120.000.000 đồng. Tiền huê hồng mỗi dây là 2.000.000 đồng, tổng cộng 02 dây là 4.000.000 đồng. Trừ tiền huê hồng nên còn nợ lại 116.000.000 đồng.

2. Vào ngày 20/01/2022 (âm lịch), khai 05 dây hội, mỗi dây với số tiền là 1.000.000 đồng, hội mỗi tháng khai 01 lần, mỗi dây hội có 20 phần. Trong 05 dây hội này bà L tham gia mỗi dây hội là 01 phần (tổng cộng là 05 phần) và đóng hội sống cho mỗi dây hội được 17 lần (năm dây với số tiền là 85.000.000 đồng). Đến tháng 5 năm 2023 thì phía bà H và ông Đ tuyên bố ngưng hội và cũng không trả lại tiền cho cho bà L. Tổng cộng số tiền của 05 dây hội mở ngày 22/01/2022 (âm lịch), bà H và ông Đ còn nợ lại bà L là 85.000.000 đồng. Tiền huê hồng mỗi dây là 400.000 đồng, tổng cộng 05 dây là 2.000.000 đồng. Trừ tiền huê hồng nên còn nợ lại 83.000.000 đồng.

3. Vào ngày 20/01/2022 (âm lịch), khai 04 dây hội, mỗi dây với số tiền là 2.000.000 đồng, hội mỗi tháng khai 01 lần, mỗi dây hội có 18 phần. Trong 04 dây hội này bà L tham gia mỗi dây hội là 01 phần (tổng cộng là 04 phần). Hội đã miễn bà L hót tổng số tiền là 136.000.000 đồng, sau khi trừ tiền huê hồng là 3.200.000 đồng nên còn nợ lại 132.800.000 đồng. Sau đó bà H và ông Đ có xin mượn lại và có làm giấy biên nhận vào ngày 30/5/2023 và hứa 03 tháng trả nhưng đến hạn cũng không trả và kéo dài cho đến nay.

4. Vào ngày 20/3/2023 (âm lịch), khai 05 dây hội, mỗi dây với số tiền là 2.000.000 đồng, hội mỗi tháng khai 01 lần, mỗi dây hội có 18 phần. Trong 05 dây hội này bà L tham gia mỗi dây hội là 01 phần (tổng cộng là 05 phần) và đóng hội sống cho mỗi dây hội được 02 lần (năm dây với số tiền là 20.000.000 đồng). Đến tháng 5 năm 2023 thì phía bà H và ông Đ tuyên bố ngưng hội và cũng không trả lại tiền cho cho bà L. Tổng cộng số tiền của 05 dây hội mở ngày 20/3/2023 (âm lịch), bà H và ông Đ còn nợ lại bà L là 20.000.000 đồng. Tiền huê hồng mỗi dây là 800.000 đồng, tổng cộng 05 dây là 4.000.000 đồng. Trừ tiền huê hồng nên còn lại 16.000.000 đồng.

Tổng cộng các phần hội nêu trên bà H và ông Đ còn nợ bà L số tiền 357.800.000 đồng.

Tổng tiền huê hồng là 10.000.000 đồng. Như vậy bà H và ông Đ còn nợ tổng số tiền là: 357.800.000 đồng – 10.000.000 đồng = 347.800.000 đồng.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà H và ông Đ cùng liên đới trả số tiền nợ hội là 347.800.000 đồng, làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu trả lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị Thu H là ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

- Bà H xác định theo yêu cầu khởi kiện của bà L là chưa đúng. Bà L có tham gia chơi 04 dây hội do bà H làm đầu thảo cụ thể như sau:

1/ Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/01/2022, gồm 18 hội viên tham gia, khai ngày 20/01/2022 đến ngày 20/5/2023 kết thúc. Bà L tham gia 01 phần, góp hội sống được 17 kỳ. Tổng số tiền mà bà H còn nợ bà L của dây hội này là 23.950.000 đồng.

2/ Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/01/2022, gồm 18 hội viên tham gia, khai ngày 20/01/2022 đến ngày 20/5/2023 kết thúc. Bà L tham gia 01 phần, góp hội sống được 17 kỳ. Tổng số tiền mà bà H còn nợ bà L của dây hội này là 24.350.000 đồng.

3/ Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/01/2022, gồm 18 hội viên tham gia, khai ngày 20/01/2022 đến ngày 20/5/2023 kết thúc. Bà L tham gia 01 phần, góp hội sống được 17 kỳ. Tổng số tiền mà bà H còn nợ bà L của dây hội này là 24.290.000 đồng.

4/ Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/01/2022, gồm 18 hội viên tham gia, khai ngày 20/01/2022 đến ngày 20/5/2023 kết thúc. Bà L tham gia 01 phần, góp hội sống được 17 kỳ. Tổng số tiền mà bà H còn nợ bà L của dây hội này là 24.150.000 đồng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, bà H chỉ tự nguyện trả 96.740.000 đồng cho bà Đinh Thị Cẩm L ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ là ông T1 trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông Đ không đồng ý. Lý do: Việc tham gia chơi hội, góp hội giữa bà Lê Thị Thu H và bà L, ông Đ hoàn toàn không hay biết. Ngoài ra ông Đ và bà H đã ly hôn theo Quyết định số:155/2023/QĐCNTTLH ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Nay, ông Đ không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Cẩm L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Cẩm L. Buộc bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh Thị Cẩm L số tiền là 347.800.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/01/2025, bị đơn Lê Thị Thu H, Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

Bị đơn Lê Thị Thu H: Yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản số 16/2025/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang về việc ghi nhận sự tự nguyện của bà trả cho nguyên đơn số tiền nợ 04 dây hụi với tổng số tiền 132.800.000 đồng, làm 1 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Nguyễn Văn Đ: Yêu cầu Tòa Phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông phải liên đới trả nợ ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà H và ông Đ trả số tiền nợ hụi là 322.800.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà H thừa nhận còn nợ tiền hụi bà lệ số tiền là 322.800.000 đồng nhưng bà xin chỉ trả vốn. Bị đơn là ông Đ không đồng ý liên đới cùng bà H trả tiền cho bà L.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thừa hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bà Lê thị Thu H và ông Nguyễn Văn Đ: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất về các dây hụi và số tiền hụi bà H còn nợ bà L số tiền nợ hụi là 322.800.000 đồng, bà xin chỉ trả

tiền vốn hụi nhưng không được phía bà L chấp nhận nên không có căn cứ để chấp nhận. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đ, ông không đồng ý liên đới cùng bà H trả nợ hụi cho bà L nhưng tại thời điểm bà L làm hụi thì ông Đ và bà H vẫn còn là vợ chồng nên ông Đ cho rằng ông không có liên quan tới tiền nợ hụi của bà H là không có cơ sở, do đó không có căn cứ để chấp nhận.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Đ, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” là có căn cứ, phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị Thu H nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Lê Thị Thu H1 là chủ hụi, bà Đinh Thị Cẩm L là hụi viên. Theo bà L trình bày thì bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị Thu H là chủ hụi. Từ ngày 29/4/2020 âm lịch đến ngày 20/3/2023 âm lịch bà L có tham gia 16 phần hụi do bà H và ông Đ làm chủ, các dây hụi 5.000.000 đồng, hụi 1.000.000 đồng, hụi 2.000.000 đồng. Đến tháng 5 năm 2023 bà H và ông Đ ngưng làm hụi. Tổng cộng tiền hụi bà H và ông Đ còn nợ bà L số tiền là 347.800.000 đồng. Bà L yêu cầu bà H và ông Đ trả số tiền nợ hụi là 347.800.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Thu H có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T1 trình bày năm 2022 bà L có tham gia 04 dây hụi, mỗi dây 2.000.000 đồng do bà H là chủ hụi. Tổng cộng bà H nợ tiền hụi bà L là 96.740.000 đồng. Bà H đồng ý trả cho bà L số tiền hụi là 96.740.000 đồng.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông không biết về giao dịch hụi giữa bà L và bà H. Ông và bà H đã ly hôn theo quyết định số 155/2023/QĐCNTTLH ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà H và ông Đ trả cho bà L số tiền là 347.800.000 đồng. Bà H và ông Đ không đồng ý nên có đơn kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H và ông Đ:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H thừa nhận bà L có tham gia hội do bà làm chủ hội như sau:

1. Hội 5.000.000 đồng, khai ngày 29/4/2020AL, sổ hội tại bút lục số 71, 72. Bà L tham gia hai dây, đóng mỗi dây được 12 lần, tiền vốn bà L đã đóng là 62.000.000 đồng, tiền hội là 120.000.000 đồng, huê hồng hai dây hội là 4.000.000 đồng. Bà còn nợ bà L số tiền hội là 116.000.000 đồng.

2. Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 20/3/2023AL, sổ hội tại các bút lục số 66, 67, 68, 69, 70. Bà L tham gia bốn dây, mỗi dây đóng được 2 lần, tiền vốn bà L đã đóng là 12.000.000 đồng, tiền hội là 20.000.000 đồng, tiền huê hồng năm dây hội là 4.000.000 đồng. Bà còn nợ tiền hội bà L 16.000.000 đồng.

3. Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 20/01/2022AL, bà L tham gia bốn dây, hội đã mãn bà L hốt tiền hội là 136.000.000 đồng, tiền huê hồng là 3.200.000 đồng nhưng bà H chưa giao và có làm biên nhận nợ tiền hội bà L 132.800.000 đồng, bút lục số 65. Tiền vốn bà H đóng cho bà L là 96.740.000 đồng.

4. Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 20/01/2022AL, bà L tham gia 05 dây, bà L đóng được 12 lần, mỗi lần 750.000 đồng, tiền vốn bà L đã đóng là 45.000.000 đồng, tiền hội là 60.000.000 đồng, tiền huê hồng bốn dây hội là 2.000.000 đồng, bà còn nợ bà L tiền hội là 58.000.000 đồng.

Tổng cộng các dây hội trên bà H thừa nhận còn nợ tiền hội 322.800.000 đồng nhưng bà H xin chỉ trả tiền vốn cho bà L như đã nêu trên.

Ông T yêu cầu bà H và ông Đ trả tiền hội cho bà H là 322.800.000 đồng, không đồng ý cho bà H và ông Đ trả tiền vốn.

Nhận thấy, bà H thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà L số tiền hội là 322.800.000 đồng, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó có đủ căn cứ xác định bà H hiện nay còn nợ tiền hội bà L là 322.800.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà L, chỉ yêu cầu bà H và ông Đ trả cho bà L số tiền hội là 322.800.000 đồng, xét thấy yêu cầu này của ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà H kháng cáo xin trả tiền vốn cho bà L nhưng không được phía bà L chấp nhận nên không có căn cứ để chấp nhận.

Ông Đ kháng cáo cho rằng ông không có liên quan đến nợ hội của bà H là không có cơ sở bởi lẽ tại thời điểm bà H là hội thì ông Đ và bà H là vợ chồng, đến tháng 8 năm 2023 ông Đ bà H mới ly hôn. Bà H là chủ hội để có huê hồng

chi tiêu cho gia đình nên ông Đ cũng phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi với bà H.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H và ông Đ, sửa một phần án sơ thẩm, buộc bà H và ông Đ liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi là 322.800.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Bà H và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.140.000 đồng.

Do sửa án sơ thẩm nên bà H và ông Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313, và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Đ.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 288, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Cẩm L.

- Buộc bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh Thị Cẩm L số tiền nợ hụi là 322.800.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Bà H và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.140.000 đồng được trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0016440 và biên lai thu số 0016441 ngày 23/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên bà H và ông Đ còn phải nộp tiếp số tiền là 15.540.000 đồng.

Bà L được hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.945.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số 0015032 ngày 05/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan